

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 30/01/2026

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

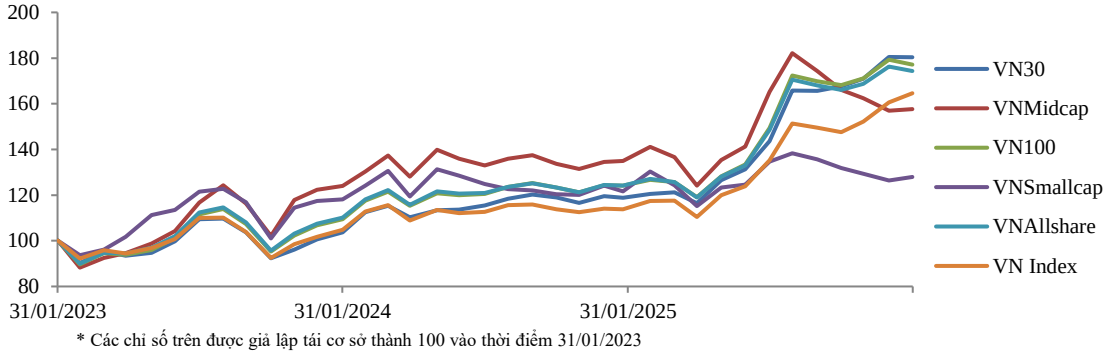
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 31/01/2023 đến 30/01/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	14.75%	15.89%	41.78%	-1.08%	4.98%	17.36%	40.50%	74.38%	84.55%	20.36%	13.04%
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	-0.04%	7.66%	25.67%	51.75%	80.42%	93.63%	21.74%	14.13%
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	0.45%	-5.08%	-4.64%	16.75%	57.59%	74.06%	16.37%	11.72%
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	-1.18%	5.38%	18.63%	42.71%	77.17%	86.93%	21.00%	13.33%
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	1.20%	-3.05%	-5.03%	5.09%	27.88%	42.12%	8.54%	7.28%
VN-Index	8.24%	11.93%	40.54%	2.50%	11.55%	21.73%	44.58%	64.60%	73.10%	18.07%	11.60%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	10.07%	15.74%	22.44%	32.54%	46.80%
VN30	9.74%	15.73%	22.36%	31.90%	46.38%
VNMidcap	11.75%	17.67%	25.43%	38.11%	58.83%
VN100	10.34%	16.10%	22.78%	32.89%	48.69%
VNSmallcap	6.12%	11.36%	19.09%	30.92%	48.99%
VN-Index	9.66%	14.55%	21.34%	30.12%	43.37%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	95.73%	97.54%	98.33%	98.40%	98.65%
VN30	95.67%	96.41%	97.25%	97.24%	97.10%
VNMidcap	73.11%	80.99%	87.40%	89.98%	82.20%
VN100	95.90%	97.58%	98.28%	98.36%	95.03%
VNSmallcap	64.03%	70.42%	83.00%	84.60%	83.13%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	282	30	70	100	182
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,437,203	5,934,776	1,218,091	7,152,867	284,336
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,062,833	2,280,056	647,184	2,927,240	135,592
Trung bình	10,861	76,002	9,245	29,272	745
Cao nhất	378,944	378,944	38,993	378,944	6,201
Thấp nhất	15	2,819	967	967	15
Trung vị	1,056	56,669	6,508	9,677	458
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.37%	16.62%	6.03%	12.95%	4.57%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	48.78%	65.53%	40.03%	51.04%	25.50%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn

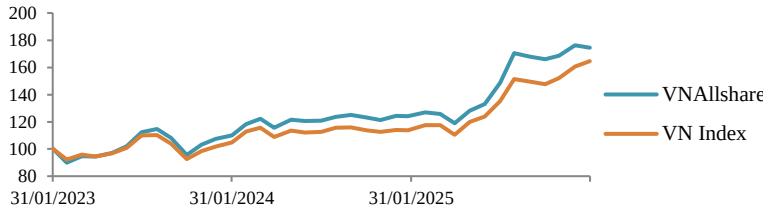


VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

Đặc điểm chỉ số

	282
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,437,203
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,062,833
Trung bình	10,861
Cao nhất	378,944
Thấp nhất	15
Trung vị	1,056
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.37%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	48.78%

Tăng trưởng chỉ số từ 31/01/2023 đến 30/01/2026

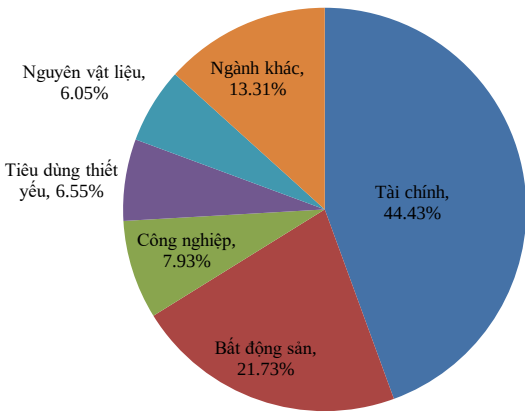


* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/01/2023

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	14.75%	15.89%	41.78%	-1.08%	4.98%	17.36%	40.50%	74.38%	84.55%	20.36%	13.04%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	41	1,360,709	44.43%
Bất động sản	38	665,705	21.73%
Công nghiệp	71	242,800	7.93%
Tiêu dùng thiết yếu	26	200,576	6.55%
Nguyên vật liệu	43	185,412	6.05%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	10.07%	15.74%	22.44%	32.54%	46.80%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	95.73%	97.54%	98.33%	98.40%	98.65%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	378,944	12.37%
2	FPT	Công nghệ thông tin	151,314	4.94%
3	TCB	Tài chính	139,918	4.57%
4	VPB	Tài chính	133,290	4.35%
5	VHM	Bất động sản	130,616	4.26%
6	LPB	Tài chính	118,199	3.86%
7	HPG	Nguyên vật liệu	113,136	3.69%
8	STB	Tài chính	112,830	3.68%
9	MBB	Tài chính	109,548	3.58%
10	HDB	Tài chính	106,237	3.47%
Tổng cộng			1,494,032	48.78%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

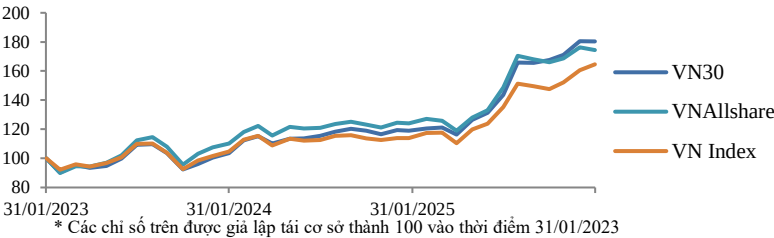


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	5,934,776
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,280,056
Trung bình	76,002
Cao nhất	378,944
Thấp nhất	2,819
Trung vị	56,669
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	16.62%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	65.53%

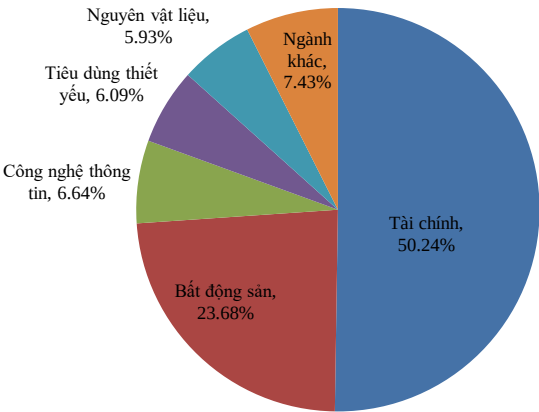
Tăng trưởng chỉ số từ 31/01/2023 đến 30/01/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	-0.04%	7.66%	25.67%	51.75%	80.42%	93.63%	21.74%	14.13%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	15	1,145,529	50.24%
Bất động sản	4	539,829	23.68%
Công nghệ thông tin	1	151,314	6.64%
Tiêu dùng thiết yếu	3	138,934	6.09%
Nguyên vật liệu	3	135,144	5.93%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	9.74%	15.73%	22.36%	31.90%	46.38%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	95.67%	96.41%	97.25%	97.24%	97.10%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	378,944	16.62%
2	FPT	Công nghệ thông tin	151,314	6.64%
3	TCB	Tài chính	139,918	6.14%
4	VPB	Tài chính	133,290	5.85%
5	VHM	Bất động sản	130,616	5.73%
6	LPB	Tài chính	118,199	5.18%
7	HPG	Nguyên vật liệu	113,136	4.96%
8	STB	Tài chính	112,830	4.95%
9	MBB	Tài chính	109,548	4.80%
10	HDB	Tài chính	106,237	4.66%
Tổng cộng			1,494,032	65.53%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

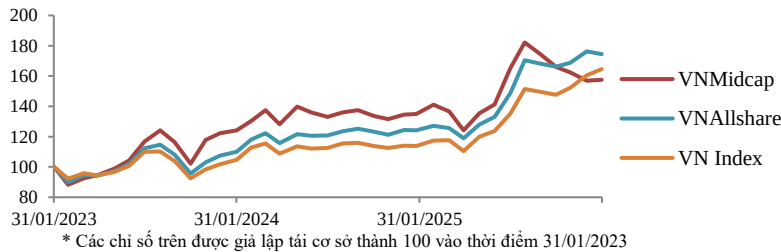


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,218,091
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	647,184
Trung bình	9,245
Cao nhất	38,993
Thấp nhất	967
Trung vị	6,508
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.03%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.03%

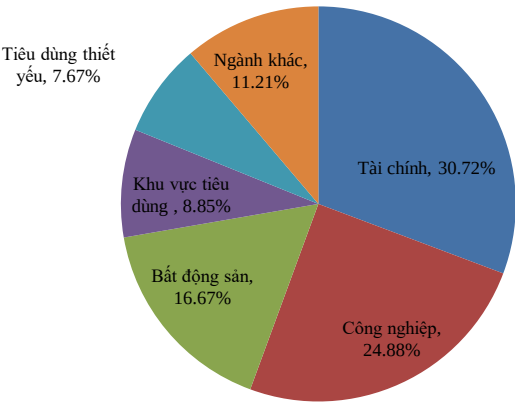
Tăng trưởng chỉ số từ 31/01/2023 đến 30/01/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	0.45%	-5.08%	-4.64%	16.75%	57.59%	74.06%	16.37%	11.72%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	14	198,831	30.72%
Công nghiệp	20	161,037	24.88%
Bất động sản	11	107,897	16.67%
Khu vực tiêu dùng	3	57,249	8.85%
Tiêu dùng thiết yếu	7	49,634	7.67%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	11.75%	17.67%	25.43%	38.11%	58.83%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	73.11%	80.99%	87.40%	89.98%	82.20%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	PNJ	Khu vực tiêu dùng	38,993	6.03%
2	VIX	Tài chính	34,610	5.35%
3	EIB	Tài chính	31,070	4.80%
4	MSB	Tài chính	27,082	4.18%
5	GMD	Công nghiệp	24,833	3.84%
6	GEX	Công nghiệp	23,183	3.58%
7	VND	Tài chính	21,122	3.26%
8	KDH	Bất động sản	20,060	3.10%
9	NAB	Tài chính	19,422	3.00%
10	VCI	Tài chính	18,694	2.89%
Tổng cộng			259,068	40.03%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

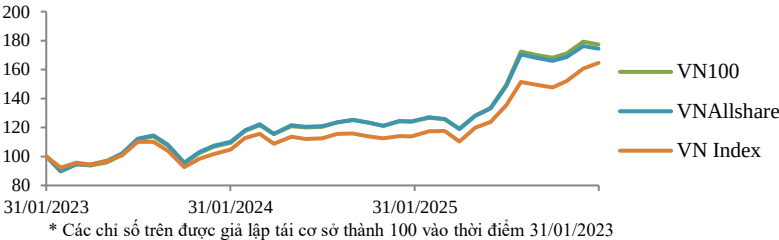


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,152,867
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,927,240
Trung bình	29,272
Cao nhất	378,944
Thấp nhất	967
Trung vị	9,677
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.95%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	51.04%

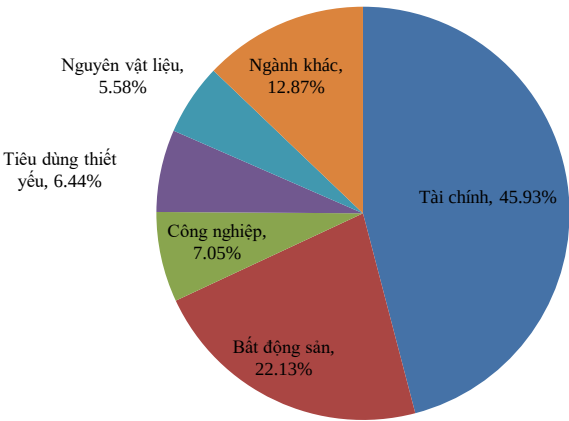
Tăng trưởng chỉ số từ 31/01/2023 đến 30/01/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	-1.18%	5.38%	18.63%	42.71%	77.17%	86.93%	21.00% 13.33%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	29	1,344,360	45.93%
Bất động sản	15	647,725	22.13%
Công nghiệp	21	206,428	7.05%
Tiêu dùng thiết yếu	10	188,569	6.44%
Nguyên vật liệu	9	163,409	5.58%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
- VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	10.34%	16.10%	22.78%	32.89%	48.69%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	95.90%	97.58%	98.28%	98.36%	95.03%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	378,944	12.95%
2	FPT	Công nghệ thông tin	151,314	5.17%
3	TCB	Tài chính	139,918	4.78%
4	VPB	Tài chính	133,290	4.55%
5	VHM	Bất động sản	130,616	4.46%
6	LPB	Tài chính	118,199	4.04%
7	HPG	Nguyên vật liệu	113,136	3.86%
8	STB	Tài chính	112,830	3.85%
9	MBB	Tài chính	109,548	3.74%
10	HDB	Tài chính	106,237	3.63%
Tổng cộng			1,494,032	51.04%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

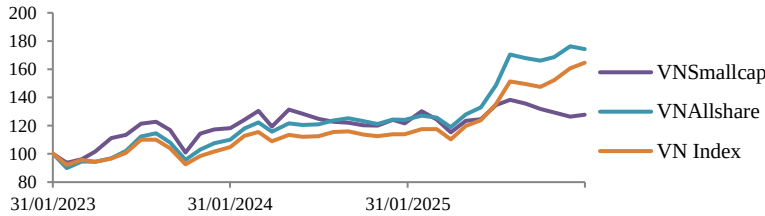


VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	182
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	284,336
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	135,592
Trung bình	745
Cao nhất	6,201
Thấp nhất	15
Trung vị	458
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.57%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	25.50%

Tăng trưởng chỉ số từ 31/01/2023 đến 30/01/2026

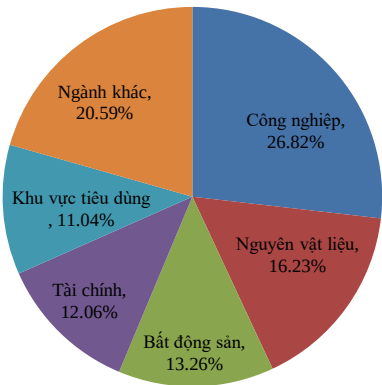


* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/01/2023

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	1.20%	-3.05%	-5.03%	5.09%	27.88%	42.12%	8.54%	7.28%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	50	36,372	26.82%
Nguyên vật liệu	34	22,003	16.23%
Bất động sản	23	17,979	13.26%
Tài chính	12	16,349	12.06%
Khu vực tiêu dùng	24	14,973	11.04%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	6.12%	11.36%	19.09%	30.92%	48.99%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	64.03%	70.42%	83.00%	84.60%	83.13%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	HAH	Công nghiệp	6,201	4.57%
2	BAF	Tiêu dùng thiết yếu	4,905	3.62%
3	ORS	Tài chính	4,070	3.00%
4	DBD	Chăm sóc sức khỏe	4,006	2.95%
5	IJC	Công nghiệp	3,670	2.71%
6	DHC	Nguyên vật liệu	2,475	1.83%
7	DPG	Công nghiệp	2,464	1.82%
8	SCR	Bất động sản	2,309	1.70%
9	HHS	Khu vực tiêu dùng	2,245	1.66%
10	VDS	Tài chính	2,234	1.65%
Tổng cộng			34,580	25.50%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

